

Chương III. — **Gương trước**

Sự đặt danh-từ, không phải riêng về một vấn-đề khoa-học mà thôi, mà cũng không riêng gì về nước ta. Khi nào một dân-tộc mới thâu-nhập một ý-tưởng mới gì, đều phải kiếm cách đặt danh-từ mà gọi. Nhưng, đối với các nước mới qui-hướng về khoa-học như các nước ở Á-đông, vấn-đề có hơi khác. Họ phải trong một chốc lát mà gây nên hàng vạn danh-từ. Các nước láng-giềng ta đã giải-quyết ra sao? Trong nước ta, vấn-đề luật-học đã gây nên một nền danh-từ chuyên-môn trong thực-tế. Người nước ta đã giải-quyết bằng cách nào?

Sau này ta thử xét cách-thức mà người nước ta đặt chữ về phương-diện chính-trị và luật-học và ta xét cách đặt danh-từ khoa-học của hai nước đồng-văn với ta xưa là Trung-hoa và Nhật-bản.

Nước Trung-hoa có tiếng giống tinh-cách tiếng ta, nên đó là một gương mà ta có thể soi rất tiện. Tiếng Nhật-bản tuy có tinh-cách khác ta về loại thông-thường, nhưng về phương-diện chuyên-môn, tiếng Nhật-bản cũng mượn gốc Hán-tự như tiếng ta. Nên đối với họ, cách đặt chữ có phần giống như đối với tiếng ta. Xét rõ sẽ giúp ích cho ta một phần lớn.

Vả chăng, hai nước ấy nay đã có một nền-lĩnh khoa-học vững chãi, không những giáo-khoa về mọi đẳng-cấp đều bằng quốc-âm, không những về một vấn-đề khoa-học cao-cấp nào, họ cũng có sách-vở và báo-chi bằng quốc-âm nơi tới, các nước ấy lại nhờ sự phổ-thông khoa-học, mà kỹ-nghệ đã đến thời-kỳ phát-đạt. Đó là một chứng cớ rõ ràng rằng cách đặt danh-từ khoa-học họ có hiệu-nghiệm.

Hai nước ấy đã hiến cho ta hai cuộc thí-nghiệm lớn lao, để cho ta suy-nghĩ và tìm cách thích-dùng với sự-học nước mình.

1. — DANH-TỪ NHẬT-BẢN. Tiếng Nhật cũng như tiếng ta, phần lớn lấy gốc ở Trung-hoa, nhất là những tiếng để chỉ những ý trừu-tượng. Còn chữ thì cũng phần lớn dùng chữ Trung-hoa, có lúc đọc theo Hán-âm, có lúc đọc theo Đường-âm, có lúc lại đọc lấy nghĩa theo Nhật-âm, có khi chỉ mượn chữ viết lấy âm mà nghĩa thì chỉ theo âm chứ không theo chữ, như là ta viết chữ nôm ta, Ngòi chữ Hán, Nhật-bản còn có chữ để phiên-âm, theo lối chữ văn Nam-việt.

Vấn-đề danh-từ khoa-học đối với Nhật-ngữ tương-tự như đối với ta.

Người Nhật-bản đã giải-quyết bằng ba cách nói trên. Cách đặt bằng tiếng thông-thường rất ít dùng. Cách phiên-âm rất hay dùng, nhất là đối với những ý thuộc về ngành cao-cấp. Còn lối dùng gốc chữ Hán là lối rất thông-dụng.

Dùng phương-sách nào cũng vậy, người Nhật-bản đã không để ý đến sự gọn gàng. Chữ phiên-âm Hán-tự còn do-khả, chớ chữ phiên-âm chữ Anh và chữ Đức thì cực dài. Thí dụ phiên-âm chữ Hán : Onde capillaire : *Hiu-min-chian-riô-ku-wa*, Fluide incompressible : *Hi-a-tsu-shui-ku-sei-riu-lai*. Thực ra đó là tiếng đọc ; chớ ở sách vở, họ viết bằng Hán-văn nên cũng có đỡ dài. Thí dụ phiên-âm chữ Anh : Gyroscopic stabiliser (stabilisateur gyroscopique) : *Ji-yai-ro-xu-ta-bi-rai-zao*. Thí dụ phiên-âm chữ Đức : Naphtylaminsulfosaure (acide naphtylamine sulfonique) *na-fu-chi-ru-a-min-xu-ru-suo-ru*.

Những thí-dụ trên là lấy trong hàng nghìn thí-dụ khác. Nhưng đối với tiếng Nhật, sự phiên phức có lẽ không quan-hệ lắm (1) vì tiếng nói của họ rất là phi-âm, thường phải nói câu dài mới tỏ được một ý ngắn. Lẽ thứ hai là tinh-tinh dân-tộc họ rất là chịu khó. Quý hồ học được điều mới, điều hay, khó mấy họ cũng không nản lòng. Họ thấy sự viển-lợi mà không cho sự danh-từ phiên-phức làm khó chịu. Lẽ thứ ba là người họ rất đồng-tâm, có người xướng thì có người nghe. Họ cốt cần có chữ để dùng mà giảng hay viết khoa-học, chữ họ không để mất thì giờ bàn tán lâu về danh-từ.

Nói tóm lại, người Nhật-bản hoàn-toàn dùng lối phiên-âm trong những khoa hóa-học, và các ngành cao-cấp về các môn khác. Còn dư, họ viết bằng Hán-tự và đọc bằng Hán-âm. Cách đặt không có tinh-cách toàn-thể và không gọn gàng. Nhưng ai cũng dùng, nên nay đã định hẳn.

2.— DANH-TỪ TRUNG-HOA. Tiếng Trung-hoa là một tiếng độc-âm. Âm Trung-hoa lại rất ít. Tiếng Quảng-đông vẫn trắc cuối cùng còn có âm t, c. Chớ Quan-thoại thì âm lại còn nghèo hơn thế nữa. May nhờ có chữ viết đặc-biệt, mà họ không sợ lầm-lẫn nghĩa.

Chữ Trung-hoa lại rất cổ, nên đã có rất nhiều chữ. Và cách đặt chữ đã có qui-tắc rõ-ràng, nên họ muốn đặt thêm bao nhiêu cũng được. Âm tuy không mới, nhưng chữ viết mới, và đặt với những gốc làm cho dễ nhớ nghĩa. Xem thế thì Trung-hoa có một cách đặt chữ khác Nhật-bản và ta. Thế mà họ không thông-dụng lối ấy. Họ chỉ dùng để đặt một ít chữ gốc về hóa-học và những chữ chỉ tên các đơn-vị mà thôi.

Tiếng Trung-hoa phần nhiều có đủ chữ đơn. Nay ghép lại thành chữ kép để chỉ ý mới. hoặc là lấy chữ cũ mà chuyển sang nghĩa mới theo lối nghĩa rộng. Ví dụ nay dùng chữ 柏 (phách) là đánh nhịp, để chỉ ý *battement* về âm-học hay quang-học là dùng chữ đơn sẵn ; chữ 電 (điện) là chớp, dùng rộng ra là *électricité*, và 累次代換法 (lũy-thứ đại-hoán pháp) là ghép nhiều chữ đơn lại để chỉ ý *substitution successive*.

(1) Tôi có nhịp gợi ý-kiến một vị giáo-sư Ngữ-học ở Kyoto là ông Itzui thì ông cũng nói như vậy.

Về phần hóa-học lúc đầu người Trung-hoa tưởng dùng lối đặt chữ mới hoặc ghép chữ cũ mà giải-quyết được. Nhưng bây giờ, họ cũng phải dùng lối phiên-âm. Phiên-âm bằng chữ Trung-hoa rất khó, trước là vì âm Trung-hoa rất ít, sau là vì họ không có chữ la-tinh để nhắc cho họ hình-dạng chữ gốc phiên-âm. Hai cách đặt ấy nay còn lẫn lộn, cho nên cùng một ý ấy mà ta thấy dùng cả hai cách, như *Acide formique* đặt là 蟻酸 (nghĩ-toan) *I-Tsoan* mà Aldéhyde formique (chữ Anh là Formic aldéhyde) lại đặt: Fou cul-mu a-eul-ti-hai-te.

Danh-từ khoa-học đã trải một thời-kỳ lộn xộn khá lâu mới được quyết-định một cách chính-thức như ngày nay. Lúc đầu mỗi người dùng chữ một cách. Các nhà khoa-học thấy vậy đã lập nhiều hội để đình-chính. Hội đầu thành lập là *Khoa-học đa nh-từ tham-tra hội*. Năm 1926 Đại-học-viện có tổ-chức hội *Dịch-danh thống-nhất*. Năm sau (1927) bộ giáo-dục giữ trách-nhiệm việc biên-dịch.

Trong lúc ấy lại có hội *Trung-hoa văn-hóa giáo-dục cơ-kim đồng-sur* cũng có tổ-chức một ban biên-dịch.

Đến năm 1931, mới thành lập *Quốc-lập biên-dịch-quán*. Đó là một cơ-quan của bộ giáo-dục chuyên về việc định-đoạt danh-từ khoa-học và việc ban-bố danh-từ.

Tháng 4 năm 1932, bộ giáo-dục triệu các ủy-viên để thảo-luận về thiên-văn, số-học và vật-lý-học (1).

Năm 1932, về tháng 10, quyền Thiên-văn-học danh-từ đã được công-bố. Tháng 7 năm 1933, quyền Vật-lý-học danh-từ cũng xuất-bản. Rồi lần lượt các tập khác cũng in xong trong khoảng năm 1934, 1935.

Vấn-đề danh-từ khoa-học ở Trung-hoa nay có thể gọi là giải-quyết xong, và kết-quả rất là hoàn-bị.

Phạm danh-từ về toán-học, vật-lý-học thì lấy sự thích nghĩa làm chủ. Dùng đơn-âm hay là lưỡng-âm làm qui-tắc. Về hóa-học thì phần vô-cơ, dùng lối đặt chữ mới và thích nghĩa và phiên-âm, còn về phần hữu-cơ thì hoàn-toàn phiên-âm.

Ngoài những tiếng phiên-âm, những danh-từ của Trung-hoa đều gọn gàng và đặt có quy-củ cả.

3.— DANH-TỪ LUẬT-HỌC Ở VIỆT-NGŨ. Sở dĩ ta chưa có danh-từ khoa-học là vì từ trước đến nay ta chưa cần lắm. Còn về phương-diện luật-học và chính-trị thì lại khác. Người nước ta đã cần có danh-từ để đình những bộ luật mới ban-bố cho cả đồng dân thi-hành.

Người ta đã giải-quyết vấn-đề danh-từ ấy bằng hai lối lấy chữ cũ và đặt chữ mới. Chữ cũ khi xưa dùng về luật-lễ thì rất nhiều nay

(1) Theo bà: tựa tập thiên-văn-học danh-từ của ông Trần-khả-Trung.

vẫn còn dùng được cả. Những chữ ấy hầu hết là chữ Hán, như *lố-tụng, giam, tra, nguyên, bị, khổ-sai, tài-thâm* vân vân...

Những ý mà tự luật Tây-phương thâu-nhập vào thì người ta đã phải đặt chữ mới mà gọi. Phương-pháp đặt đều lấy gốc ở Hán-văn, ghép âm đơn thành âm kép, ghép âm kép thành chữ dài để chỉ ý phức-tạp. Những chữ mới ấy cũng có chữ đặt khéo và gọn, nhưng cũng có chữ đặt vụng nhưng lúc cần phải dùng, dùng sinh quen, nên không ai dị-nghị gì nữa. Đó cũng là một lẽ thiên-nhiên. Vì tiếng nói nước nào cũng đầy những sự vô-lý mà ai cũng nói cả.

Những tiếng như *địa-dịch* (servitude), *tu-cách pháp-nhân* (personnalité morale) *ứng-dụng thu lợi* (usufruit) hoặc là *hội hợp-tu* (société de commandite simple) đều thành tiếng pháp-luật. Người không cần đến nó muốn bàn-tán, thế nào thì mặc lòng, chớ những người cần đến nó thì cho là rất quý.

Ba gương kể trên đây đủ cho ta xét hiểu rõ cách đặt danh-từ chuyên-môn.

Tôi đã suy đó mà chọn danh-từ cho khoa-học bằng tiếng Việt-nam (1).

(1) Sau khi tôi trình vấn-đề danh-từ khoa-học bằng tiếng Việt-Nam tại Hội-nghị khảo-cứu khoa-học, thì ông hội trường có cho hay rằng "ở Xiêm người ta cũng dùng ba lối trên" và ông nói "đó cũng là một luật thiên-nhiên của ngữ-học". Ông hội trường hồi ấy là ông Cœdès, giám-đốc Viễn-đông Bác-cổ-viện và một nhà ngữ-học rừ danh.